ỦY BAN NHÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO TÓM TẮT
TỔNG KẾT DỰ ÁN NÔNG THÔN - MIỀN NÚI

XÂY DỰNG MÔ HÌNH ỨNG DỤNG KHCN NHẰM PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG GÒ ĐỒI 2 XÃ PHÚ SƠN, DƯƠNG HÒA, HUYỆN HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Huế, 2001

MỞ ĐẦU

Cùng với các tỉnh trong vùng Bắc Trung bộ, Thừa Thiên Huế có đủ các vùng sinh thái : núi, gò đồi, đồng bằng, biển, trong đó vùng gò đồi - núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

Đây là vùng còn ở trong tình trạng kém phát triển, mang tính tự cung tự cấp, sản xuất chủ yếu theo lối quảng canh, lệ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Đời sống người dân gặp rất nhiều khó khăn, tuyệt đại bộ phận còn nghèo, ít hiểu biết kỹ thuật.

Trong bối cảnh đó, việc ứng dụng KHCN để xây dựng thành công các mô hình thử nghiệm có tính đại diện, thích hợp cho sự phát triển kinh tế của vùng và mang tính phổ biến nhằm áp dụng rộng rãi cho các vùng có điều kiện tương tự là một yêu cầu cấp thiết.

Được Bộ KHCNMT phê duyệt, vừa qua, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thừa Thiên Huế đã chủ trì dự án Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN nhằm phát triển kinh tế vùng gò đồi 2 xã Phú Sơn - Dương Hòa, Huyện Hương Thủy, thuộc chương trình : "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002".

Sau hai năm thực hiện, dự án đạt được kết quả rất đáng khích lệ, được Hội đồng khoa học - công nghệ cấp tỉnh nghiệm thu, đánh giá cao, được chính quyền địa phương cùng bà con vùng dự án hoan nghênh.

Trong quá trình triển khai thực hiện, dự án luôn được sự chỉ đạo, động viên, góp ý, giúp đỡ thiết thực, tận tình và có hiệu quả của lãnh đạo Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Vụ Kế hoạch, Vụ Quản lý Khoa học Công nghệ Nông nghiệp, Văn phòng Chương trình Nông thôn - Miền núi; của lãnh đạo tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính - Vật giá, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; sự cộng tác chặt chẽ của Trường Đại học Nông Lâm Huế, UBND huyện Hương Thủy, Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm, Trung tâm Thực nghiệm và Phát triển Cây ăn quả, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Hương Thủy, Tổ chức IDE, Tổ chức NARV, cán bộ và bà con 2 xã Phú Sơn - Dương Hòa, các nhà khoa học, nhà quản lý và các cộng tác viên.

Nhân đây, chúng tôi xin chân thành cảm ơn.

Ts Đỗ Nam

Giám đốc Sở KHCNMT Thừa Thiên Huế

Chủ nhiệm Dự án

BÁO CÁO TÓM TẮT TỔNG KẾT DỰ ÁN NÔNG THÔN - MIỀN NÚI

NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án: "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN nhằm phát triển kinh tế vùng gò đồi 2 xã Phú Sơn, Dương Hoà, huyện Hương Thuỷ"
2. Thuộc chương trình: Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002.
3. Cơ quan quản lý: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
4. Quyết định phê duyệt dự án: Quyết định số 1463 QĐ/BKHCNMT ngày 11 tháng 8 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
5. Cơ quan chủ trì: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường

   Chủ nhiệm dự án: TS. Đỗ Nam, Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường
6. Cơ quan chuyển giao công nghệ chính: Trường Đại học Nông Lâm Huế
7. Cơ quan tham gia phối hợp:
   - Trung tâm Thử nghiệm và Phát triển cây ăn quả tỉnh Thừa Thiên Huế
   - Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm tỉnh Thừa Thiên Huế
   - Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, huyện Hương Thuỷ
8. Mục tiêu dự án:

* Xây dựng thành công các mô hình trình diễn ứng dụng KHCN đã được khẳng định

* Người dân và cán bộ trong vùng dự án tiếp thu được những kỹ thuật tiến bộ, học tập được cách làm và có khả năng triển khai nhân rộng các mô hình.

* Rút ra được các giải pháp, các quy trình sản xuất thích hợp làm cơ sở cho việc tổ chức chuyển giao các kỹ thuật vào sản xuất, nhân rộng cho các vùng tương tự.

9. Thời gian thực hiện: 2 năm
10. Tổng kinh phí hỗ trợ từ nguồn sự nghiệp KHCN Trung ương: 500.000.000đ

PHẦN THỨ NHẤT

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DỰ ÁN

Tổ chức xây dựng, bảo vệ và phân công nhiệm vụ triển khai dự án

Triển khai chủ trương của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, được sự chỉ đạo của UBND tỉnh, vào quý II năm 1998 Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với trường Đại học Nông Lâm Huế và UBND huyện Hương Thủy tổ chức khảo sát 2 xã Phú Sơn, Dương Hòa và tập hợp các chuyên gia xây dựng đề cương dự án. Tháng 11 năm 1998, đề cương đã được bảo vệ trước Hội đồng KHCN cấp Nhà nước tại Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

Tháng 8/1999, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có Quyết định số 1463/QĐ/BKHCNMT phê duyệt các dự án năm 1998 thuộc Chương trình NTMN, trong đó có dự án "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN nhằm phát triển kinh tế vùng gò đồi 2 xã Phú Sơn, Dương Hoà, huyện Hương Thủy".

Để triển khai, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã thành lập Ban điều hành dự án (gồm Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường, đại diện phòng Quản lý Khoa học - Công nghệ, phòng Hành chính - Tổng hợp, lãnh đạo 2 xã Phú Sơn, Dương Hòa), phối hợp với các đơn vị chuyển giao công nghệ để triển khai các nhiệm vụ trong nội dung của dự án:

1. Trường Đại học Nông Lâm Huế chủ trì xây dựng 2 mô hình: *Mô hình vườn đồi theo hướng canh tác bền vững trên đất đồi dốc* và *mô hình trồng dứa theo đường đồng mức trên đất dốc*, do Ths Trần Văn Nguyện làm chủ nhiệm.

2. Trung tâm Khuyến nông - Khuyến lâm tỉnh chủ trì xây dựng *Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng*, do Ths Hoàng Hữu Hè làm chủ nhiệm.

3. Trung tâm Thực nghiệm và Phát triển Cây ăn quả tỉnh chủ trì xây dựng *Mô hình vườn nhà* (cải tạo vườn tạp), do Ks Đoàn Nhân Ái làm chủ nhiệm.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Hương Thủy chủ trì xây dựng *Mô hình chăn nuôi bò theo hướng thâm canh*, do Ks Ngô Phước Hảo làm chủ nhiệm.

Trong quá trình triển khai tổ chức thực hiện, do hậu quả của cơn lũ lịch sử năm 1999, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường có công văn số 3512/BKHCNMT ngày 23/11/2000 cho phép điều chỉnh nội dung trong mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ "thâm canh cây mía đường" thành "trồng tiêu", "tưới nhỏ giọt", "xây dựng hầm biogas".

Tổ chức lựa chọn vùng dự án và đối tượng tiếp nhận chuyển giao công nghệ

Lựa chọn vùng dự án: Trong quá trình khảo sát để xây dựng đề cương, đã chọn 02 xã Phú Sơn và Dương hòa là vùng điển hình cho vùng gò đồi khó khăn, chậm phát triển (vùng sâu, căn cứ địa cách mạng) có tỷ lệ nghèo cao, trình độ dân trí tương đối thấp, lực lượng cán bộ kỹ thuật mỏng, mạng lưới dịch vụ kỹ thuật chưa phát triển.

Lựa chọn hộ tham gia: Tiêu chuẩn lựa chọn hộ tham gia là: loại trung bình tiên tiến trở lên; có tinh thần tự nguyện, có ý chí vươn lên, không ngại cái mới. Cách chọn hộ thực hiện theo hướng dân chủ hóa, công khai hóa: kết hợp tự nguyện đăng ký với dựa vào UBND và các hội đoàn thể để bình chọn.

Lựa chọn kỹ thuật viên cơ sở và cộng tác viên để bồi dưỡng: Xây dựng mạng lưới kỹ thuật viên, cộng tác viên tại chỗ để hỗ trợ triển khai dự án và làm lực lượng nòng cốt nhân rộng kết quả của mô hình từ: các nông dân tiến tiến, kỹ thuật viên cơ sở, cán bộ UBND xã, đoàn thể.

II. Tổ chức phối hợp lồng ghép:

Trong khi triển khai các mô hình, đã có phối hợp, lồng ghép từng phần như:

Mô hình "Tưới nhỏ giọt": Tranh thủ phần hỗ trợ vật tư và công kỹ thuật của hệ tưới từ Tổ chức Phát triển Quốc tế (IDE).

Mô hình "Hầm khí sinh học Biogas": Tranh thủ phần tập huấn kỹ thuật, tham quan mô hình ở tỉnh bạn và một phần vật tư từ dự án RENC của tổ chức SNV (Hà Lan).

Trong triển khai nhân rộng mô hình: Sau khi xây dựng các mô hình thành công, chính quyền huyện, xã và các ngành liên quan (như Nông nghiệp - Phát triển nông thôn, KHCNMT, Công nghiệp TTCN...) đều có kế hoạch phát triển các mô hình

này trong các dự án khuyến nông, dự án phát triển vùng cây ăn quả, dự án ứng dụng năng lượng sạch cho các vùng sâu, vùng xa ... của tỉnh bằng nguồn vốn thu hồi từ dự án để quay vòng, vốn sự nghiệp khoa học - công nghệ địa phương, vốn sự nghiệp kinh tế của ngành...

V. Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, giám sát:

Tại hai địa bàn thực hiện dự án, có hai cán bộ kỹ thuật đứng điểm để thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện dự án, đồng thời còn có bộ phận chỉ đạo dự án của địa phương do lãnh đạo UBND xã phụ trách.

Do dự án triển khai tới từng nông hộ, mang tính thời vụ cao nên cơ quan chủ trì, Ban điều hành dự án đặt nặng công tác giám sát gắn với chỉ đạo thực hiện dự án.

Việc kiểm tra liên ngành (Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài chính - Vật giá, Văn phòng UBND tỉnh, UBND huyện ....) được tiến hành 3 đợt theo định kỳ, đều đánh giá cao về tinh thần tham gia dự án của bà con và sự đảm bảo nội dung, tiến độ của các hợp phần.

PHẦN THỨ HAI

CÁC KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN

Điều tra khảo sát bổ sung:

Đã tổ chức điều tra toàn diện ở 2 xã Phú Sơn, Dương Hòa và điều tra sâu ở một số hộ gia đình.

Qua điều tra, đã nắm được tiềm năng đất đai, các điều kiện tự nhiên sinh thái, đặc điểm sản xuất, tình hình kinh tế - xã hội của vùng dự án; phân tích đánh giá được thực trạng và đời sống của nông hộ; phân loại được các nhóm kinh tế hộ (khá, trung bình, nghèo) nắm được nguyện vọng của người dân, trên cơ sở đó để xây dựng bố trí cơ cấu mô hình thích hợp và thực hiện có hiệu quả. Dưới đây là một vài số liệu chung về :

- Tình hình sử dụng đất :

	Phú Sơn	*Dương Hòa*
+ Tổng diện tích đất tự nhiên (ha)	2.953	25.850
+ Đất nông nghiệp (ha)	250	224
+ Đất lâm nghiệp (ha)	1.556	21.613
+ Đất chuyên dùng (ha)	20	18
+ Đất ở (ha)	4	22
+ Đất chưa sử dụng (ha)	1.123	3.973

- Tình hình dân trí :

	Phú Sơn	*Dương Hòa*
+ Tổng số hộ	254	628
+ Trình độ chủ hộ:		
* Thất học (%):	12,6	29,2
* Lớp 1-5 (%)	66,3	56,2
* Lớp 6-9 (%)	15,5	11,5
* Lớp 10-12 (%)	5,6	3,1

Tập huấn, đào tạo:

Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở:

ã mở 02 lớp ngắn ngày đào tạo kỹ thuật viên cơ sở cho các đối tượng: cán bộ UBND ã, đoàn thể, kỹ thuật viên, các nông dân tiến tiến, với các chuyên đề: Hệ canh tác trên ất dốc, vườn cây ăn qủa vùng đồi, kỹ thuật trồng nhãn, na, kỹ thuật trồng tiêu, kỹ uật trồng dứa, kỹ thuật trồng lạc đậu xanh, kỹ thuật xây dựng hầm Biogas, hệ tưới hổ giọt, chăn nuôi bò gia đình.

ua đào tạo đã hình thành được đội ngũ kỹ thuật viên tại 02 xã với số lượng 75 người ừa trực tiếp truyền bá kỹ thuật, vừa có đội ngũ tại chỗ để duy trì lâu dài kết quả dự án.

Huấn luyện các nông dân:

ừng mô hình đều có triển khai tập huấn cho nông dân tham gia mô hình trình diễn và à con trong vùng dự án (trình bày ở phần dưới).

II. Triển khai xây dựng các mô hình

1. Mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng:

1.1 Mô hình thâm canh Lạc:

Đã tiến hành chọn xã Dương Hòa để thực hiện mô hình, đã chọn 30 hộ tham gia mô hình với diện tích là 2 ha, có số lao động bình quân từ 3-4 lao động/hộ. Giống được sử dụng là Lạc Dù Tây Nguyên có thời gian sinh trưởng ngắn (105 ngày), phù hợp với điều kiện canh tác của địa phương, cho năng suất cao (18 tạ/ha) hơn hẳn so với giống lạc Gjấy địa phương (15 tạ/ha), có thu nhập cao (6.500.000 đ/ha) hơn rất nhiều so với giống lạc địa phương (3.750.000 đ/ha) và được đông đảo bà con ưa chuộng.

1.2 Mô hình sản xuất Đậu xanh:

Tại xã Dương Hòa, vụ Hè Thu, đưa đậu xanh giống mới DX 044 thay thế cho giống đậu mỡ của địa phương. Có 30 hộ tham gia với diện tích 2 ha. Giống Đậu xanh DX 044 đưa vào mô hình có thời gian sinh trưởng ngắn, có khả năng chịu hạn khá, đạt năng suất cao (10 tạ/ha) so với giống Đậu xanh mỡ địa phương (7 tạ/ha). Thu nhập tăng 1,7 lần so với giống địa phương.

1.3 Mô hình vườn cây Hồ tiêu:

Vườn hồ tiêu được thực hiện tại xã Phú sơn, có 25 hộ tham gia, bình quân lao động 4 lao động/ hộ, 100 % số hộ được xếp vào loại trung bình và khá với diện tích 1 ha. Vườn ươm tiêu giống triển khai tại 1 hộ với quy mô 6.000 bầu cây giống.

Cây Hồ tiêu giống Ladabelan Toeng đưa từ Quảng Trị vào có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, có khả năng chống chịu với điều kiện thời tiết khắc nghiệt của địa phương. Vào những tháng lạnh, mưa phiều (tháng 10,11) cây vẫn tăng trưởng, chiều cao bình thường từ 3,1 - 5,1 cm/tháng.

Về vườn ươm tiêu giống, do thời tiết mưa lớn kéo dài đã làm chết 30% số bầu, số còn lại phát triển tốt, đủ tiêu chuẩn xuất vườn .

Đã tổ chức huấn luyện cho bà con về phương pháp bố trí xây dựng mô hình trình diễn và kỹ thuật trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh ..., gồm 30 hộ trồng Lạc, 40 hộ trồng Đậu xanh, 50 hộ trồng mía, 50 hộ trồng Tiêu. Tổng cộng có 170 lượt người tham gia.

Đã tiến hành tổ chức hội nghị đầu bờ cho 150 người về mô hình Lạc, Đậu xanh và Hồ Tiêu. Đã tổ chức tham quan mô hình trồng Tiêu ở Tân Lâm, Quảng Trị cho 25 người.

Vườn tiêu trên đất đồi xã Phú Sơn

2. Mô hình trồng dứa theo đường đồng mức trên đất dốc:

Dứa được trồng giống Cayene. Chọn 1 đồi với diện tích 2 ha tại thôn 2, xã Phú Sơn. Đồi chủ yếu là cây bụi thấp, có một ít cây keo và bạch đàn với độ dốc đồi từ 15-20°, có ít đá và sỏi nhỏ, độ dày tầng đất 40-50cm, đang bỏ hoang hoá. Thảm thực vật chủ yếu là cây bụi nhỏ, lau lách. Chọn 5 hộ thực hiện mô hình, bình quân lao động là 4,4 người/hộ, có trình độ văn hóa.

Sau 2 năm thực hiện, kết quả cho thấy: Năng suất quả bình quân vụ thu hoạch đầu tiên trong điều kiện xử lý ra hoa đạt 1.560kg/sào, số lượng chồi bình quân thu được để nhân giống là 10.188 chồi/sào. Về kinh tế, bình quân thu nhập vụ đầu tiên còn thấp vì phải tính đủ chi phí giống để trồng, nhưng từ vụ thứ hai trở đi thu nhập sẽ tăng cao vì chỉ tính đầu tư phân bón và thuốc trừ sâu bệnh. Ngoài ra về mặt xã hội, đã tạo công ăn việc làm, khai thác được đất đồi hoang hóa và nâng cao hiểu biết, ý thức được việc bảo vệ *môi trường sinh thái* thông qua việc thực hiện các giải pháp trên mô hình.

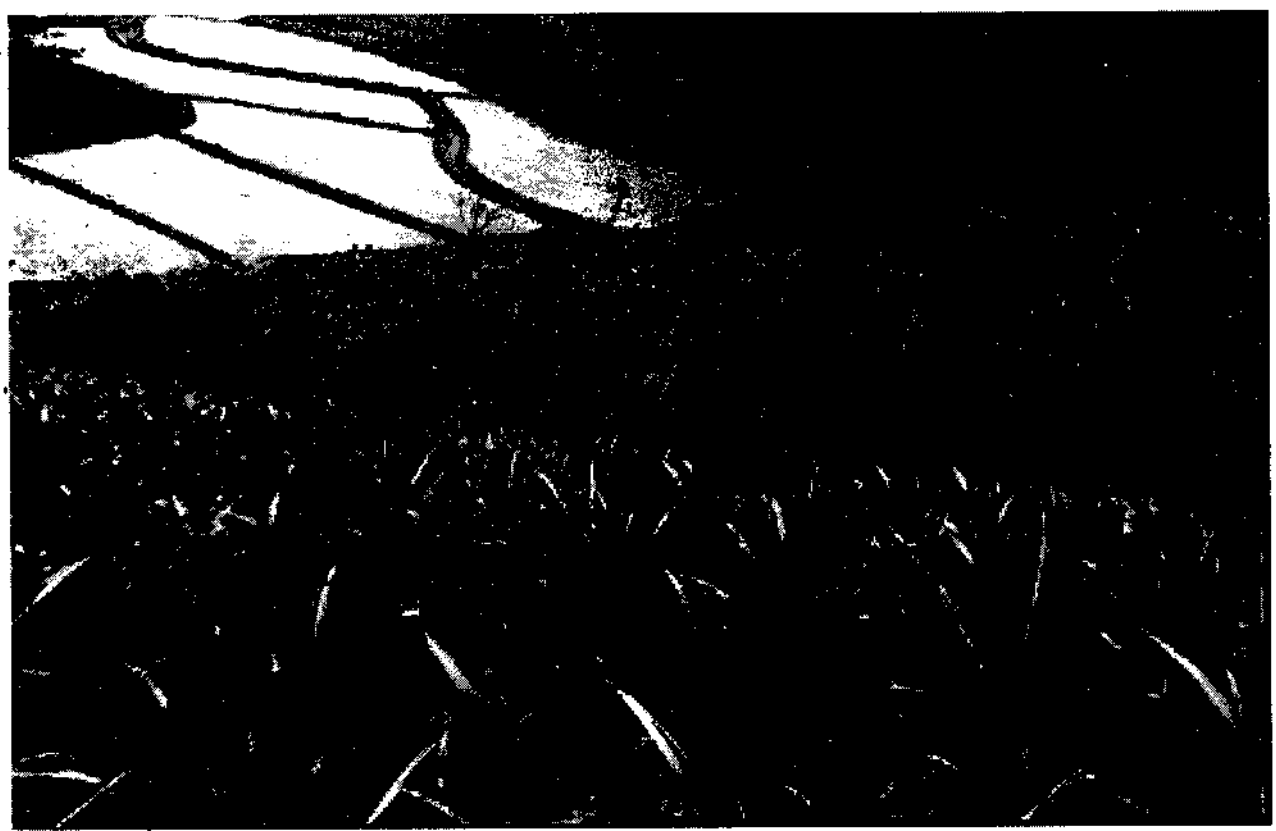

Đồi dứa có độ dốc trên 10^0 ở xã Phú Sơn

3. Mô hình vườn đồi theo hướng canh tác bền vững

Với phương thức canh tác trồng xen băng cây xanh với cây ăn quả dài ngày theo đường đồng mức, giữ lớp thực bì tự nhiên để chống xói mòn, cải tạo đất, bảo vệ môi trường sinh thái trên đất đồi, đã chọn 2 đồi với diện tích 2 ha và 0,5 ha tại thôn 2 xã Phú Sơn.

Đồi chủ yếu là cây bụi thấp, độ dốc đồi từ 8-15°, có ít đá và sỏi nhỏ, tầng đất dày, độ phì trung bình. Có 6 hộ thực hiện mô hình, bình quân lao động là 2,3 người/hộ, tất cả các chủ hộ đều có trình độ văn hóa.

Đã trồng nhãn, mãng cầu và dứa Cayene. Mô hình vườn đồi mới được thực hiện gần 2 năm, đang nằm trong thời kỳ kiến thiết cơ bản nên chưa xác định được hiệu quả về kinh tế. Song về mặt kỹ thuật, có thể kết luận:

- Nhãn trong mô hình đất đồi dốc sinh trưởng và phát triển tốt (người dân đã so sánh với đất ở dưới vườn nhà thường bị ngập úng nên cây khó phát triển hơn).
- Mãng cầu tỏ ra phù hợp với điều kiện khí hậu thời tiết và đất đai gò đồi ở đây.
- Dứa Cayene phát triển tốt, tỏ ra thích hợp với điều kiện đất đai và khí hậu tiểu vùng.
- Cây cốt khí, muồng 3 lá phát triển nhanh, đã chặt 1 lần và cây đã tái sinh tốt.
- Phương thức canh tác không tác động mạnh đến bề mặt đất nên hạn chế việc xói mòn.

Về mặt xã hội, đã tạo thêm việc làm và niềm tin cho người lao động, vì theo họ trồng cây trên đồi có nhiều ưu thế hơn so với trồng cây trong vườn nhà. Thông qua việc thực hiện mô hình ý thức về bảo vệ môi trường sinh thái được nâng cao.

Cây nhãn trên đất đồi dốc

4. Mô hình nuôi bò có chuồng trại theo hướng đầu tư thâm canh

Dự án đầu tư hỗ trợ 16 con bò cho 16 hộ gia đình (Phú Sơn: 8, Dương hòa: 8) gồm 15 bò cái sinh sản và 01 bò đực giống Brahman 75% máu ngoại. Hiện nay đã sinh sản được 13 bê con, trong đó có 9 bê đực và 4 bê cái chiếm tỷ lệ 86,7% số bò đầu tư. Mô hình còn được ngân sách đầu tư thêm 16 chuồng trại, xây dựng bán kiên cố.

Đã chỉ đạo hướng dẫn trực tiếp tại xã Phú Sơn cho nông dân tự tay làm để rút kinh nghiệm cho việc tự chế biến sau này. Đã sản xuất được 1.590kg bánh rỉ mật mía - u rê và 872kg bánh khoáng đất sét và đã phân phối cho 16 hộ tham gia dự án. Đã theo dõi, tiêm phòng Vaccine định kỳ cho bò 16 hộ tham gia với 256 liều Vaccine, tẩy sán lá gan, tiêm và bổ sung thuốc bổ cho bò.

Đã tiến hành mở 4 lớp ở Dương Hòa, Phú Sơn về kỹ thuật chăn nuôi bò theo hướng thâm canh, phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh cho bò, phương pháp ứng dụng làm bánh khoáng, tảng liếm rỉ mật - urê... cho 276 lượt người tham gia.

Dự án đã đem lại hiệu quả tốt, tất cả các hộ đều đánh giá cao tiến bộ kỹ thuật mới so với phương pháp nuôi cổ truyền (về tăng trọng, 50% hộ có ý kiến bò tăng 30%; 12,5% có ý kiến bò tăng 40%; 37,5% vó ý kiến bò tăng 20% so với phương pháp nuôi cổ truyền). Dự án đã tạo ra được mô hình trình diễn thuyết phục có hiệu quả đối với các hộ khác.

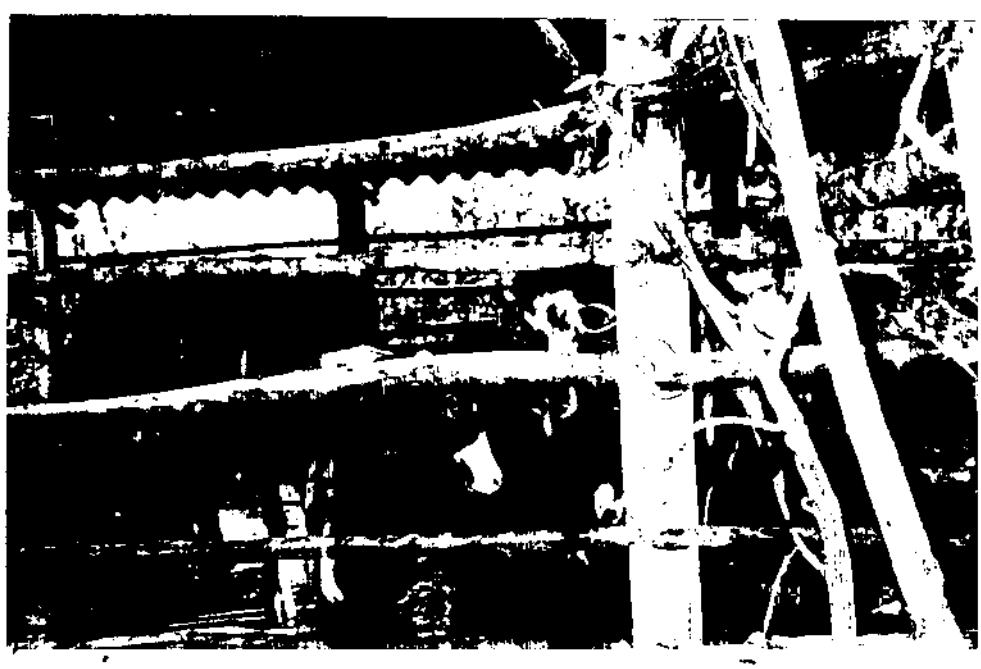

Nuôi bò gia đình có chuồng trại kết hợp hầm biogaz

5. Mô hình vườn nhà (cải tạo vườn tạp)

Mô hình được xây dựng ở 3 thôn: Lương Miêu 5, Buồn Tằm, Hạ thộc xã Dương Hòa với diện tích 3 ha, gồm 15 hộ với cơ cấu cây trồng: thanh trà Lại Bằng (cây ghép), nhãn da bò (cành chiết), nhãn Hưng Yên (cây ghép). Do ảnh hưởng của trận lũ lịch sữ tháng 11 và 12 năm 1999, toàn bộ vùng mô hình bị ngập lụt 100%, số cây trồng bị thiệt hại từ 87-100%. Hiện nay, chỉ còn lại 5 vườn với 1 ha, đang phát triển tốt.

Đã tổ chức 3 lớp tập huấn nông dân về phương pháp cải tạo vườn tạp, kỹ thuật canh tác một số cây ăn quả như thanh trà, nhãn, hồng, xoài với 136 học viên tham gia.

6. Mô hình hầm Biogas và hệ tưới nhỏ giọt:

Kết hợp với dự án RENC tổ chức tham quan mô hình và mở lớp tập huấn, đào tạo được 04 thợ xây hầm Biogas cho địa phương. Đã xây thí điểm 04 hầm, kết quả tốt.

Kết hợp với tổ chức IDE triển khai thành công hệ tưới nhỏ giọt cho cây tiêu ở vùng đồi, đạt hiệu quả cao.

Bếp sử dụng khí Biogaz

Hệ tưới nhỏ giọt cho cây tiêu

IV. Đánh giá chung

1. Về những thuận lợi và khó khăn:

1.1. Thuận lợi:

- Được sự quan tâm ủng hộ của Bộ KHCNMT, UBND tỉnh và các ngành, địa phương các cấp.

- Các cơ quan chuyển giao công nghệ có nhiều kinh nghiệm, cán bộ làm nhiệm vụ hướng dẫn kỹ thuật có trình độ, bà con nông dân tham gia dự án hăng hái, nhiệt tình

1.2. Khó khăn:

- Thủ tục phê duyệt và cấp kinh phí ở Trung ương thường chậm làm ảnh hưởng nội dung, tiến độ thực hiện dự án (dự án thuộc lĩnh vực sản xuất, nuôi trồng nông nghiệp thường mang tính thời vụ cao).

- Trong thời gian triển khai dự án, cơn lũ lụt lịch sử tháng 11 năm 1999 gây thiệt hại nặng nề đến kinh tế, đời sống của nhân dân 02 xã Phú Sơn, Dương Hòa, ảnh hưởng nhiều đến việc triển khai một số mô hình khoa học công nghệ, đặc biệt là mô hình cải tạo vườn tạp tại xã Dương Hòa. Đồng thời sự thay đổi về chương trình mía đường của tỉnh và sự thay đổi nhân sự liên tục lãnh đạo xã ở vùng dự án cũng đã ảnh hưởng ít nhiều đến nội dung và công tác chỉ đạo của dự án

2. Về kết quả chung:

2.1. Đây là dự án xây dựng mô hình và chuyển giao công nghệ tương đối bài bản và có hệ thống, đồng bộ. Các mô hình trình diễn đã triển khai thành công và có khả năng nhân rộng.

2.2. Dự án đã huy động được nhiều đơn vị chuyển giao kỹ thuật tiến bộ của Trung ương và của tỉnh tham gia, đã có được một lượng lượng cán bộ khoa học kỹ thuật có trình độ công tác, đã góp phần đưa khoa học kỹ thuật vào phục vụ kinh tế ở vùng nông thôn miền núi.

2.3. Thông qua dự án, bà con ở vùng xa tiếp nhận nhanh được những kỹ thuật và thông tin khoa học cập nhật, góp phần xây dựng năng lực đội ngũ kỹ thuật tại chỗ, có tác dụng phát huy hiệu quả lâu dài.

PHẦN THỨ BA

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ TỪ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN

1. Kết luận

1.1. Là dự án khoa học công nghệ thuộc chương trình NT-MN đầu tiên trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được Bộ KHCNMT phê duyệt, giao cho Sở KHCNMT chủ trì, tuy từng mô hình có mức độ thành công chưa đồng đều, nhưng đã là những mô hình mẫu, những "điểm sáng" trình diễn được chính quyền địa phương và bà con nông dân đánh giá cao. Dự án đã đạt được các mục tiêu đề ra :

- Khẳng định được các mô hình
- Hình thành đội ngũ kỹ thuật viên tại chỗ
- Một số lớn nông dân được bồi dưỡng tập huấn
- Một số hộ dân tham gia dự án nắm được phương thức canh tác mới, cải thiện được đời sống.
- Các cơ quan KHCN và quản lý có thêm kinh nghiệm về xây dựng và triển khai thực hiện dự án NT-MN.

Kết quả dự án cũng góp phần đưa một số giống cây mới (nhất là cây công nghiệp, cây ăn quả) và tham gia bảo vệ môi trường (chống xói mòn đất). Kết quả dự án có được nhờ đã lựa chọn đúng những vấn đề cấp thiết, đúng địa bàn và đối tượng, áp dụng được những tiến bộ kỹ thuật thích hợp, các cơ quan chuyển giao công nghệ có kinh nghiệm, năng lực, am hiểu địa bàn và có sự phối hợp tốt về nguồn lực giữa Trung ương- địa phương, giữa các cơ quan ban ngành các cấp.

1.2. Việc triển khai thành công dự án đã góp phần khẳng định sự thiết thực, đúng hướng và hợp lòng dân của chương trình *"Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phát triển kinh tế -xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 1998-2002"* do Bộ KHCNMT đề xuất và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chương tình là tiền đề quan trọng cho việc tiếp tục hình thành các chương trình khoa học-công nghệ Nhà Nước trong những năm tiếp theo nhằm thúc đẩy nông thôn miền núi phát triển.

1.3. Việc giao dự án NT-MN cho Sở KHCNMT của các tỉnh chủ trì, có kết hợp chặt chẽ của các cơ quan chuyển giao công nghệ ở Trung ương, địa phương để cùng thực hiện là thích hợp, đúng hướng, có hiệu quả.

2. Kiến nghị

2.1. Đề nghị lãnh đạo địa phương, bà con nông dân vùng dự án sử dụng vốn kiến thức khoa học kỹ thuật và sử dụng *vốn hỗ trợ luân chuyển thu hồi từ dự án* để phát triển, nhân rộng kết quả của các mô hình trình diễn.

2.2. Đề nghị các cơ quan chuyển giao công nghệ tiếp tục hỗ trợ hướng dẫn tiến bộ kỹ thuật khi địa phương có yêu cầu.

2.3. Đề nghị Bộ KHCNMT nghiên cứu xem xét cho *thời gian dự án nên kéo dài 03 năm* để có điều kiện triển khai và đánh giá một cách hoàn chỉnh hiệu quả, không chỉ trong khuôn khổ dự án mà còn ở mục tiêu mở rộng, vì các dự án trong chương trình nông thôn miền núi thường thuộc lĩnh vực nông - lâm nghiệp, địa điểm dự án thường gắn với qui hoạch nhằm khai thác các điều kiện tự nhiên của vùng đất.

2.4. Đề nghị Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường và Bộ Tài chính bổ sung các định mức cụ thể cho việc lập dự toán, nhất là các nhiệm vụ thuê khoán chuyên gia, điều hành dự án ...và cải tiến phương thức duyệt, cấp phát để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời và có tính khuyến khích các đối tác tham gia thực hiện. Duyệt và cấp vốn nên nhanh chóng kịp thời hơn.

Cơ quan chủ trì dự án
Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Thừa Thiên Huế